

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 4 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY**  
**(Từ ngày 07/04 đến ngày 13/4/2021)**

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Trong tuần trời âm u, mưa phùn, có mưa rào nhẹ, ít nắng. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 15 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 25<sup>0</sup>C (cao hơn CKNT), cao nhất 30<sup>0</sup>C, thấp nhất 20<sup>0</sup>C.

Âm độ trung bình 76 - 86% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 14 - 18 giờ (tương đương CKNT).

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021:

- Lúa xuân: Diện tích lúa gieo, cấy: 29.676,4 ha (Đứng cái - làm đòng - trổ).
- Ngô: 2.051,6 ha (PTTL - phun râu);
- Đậu tương: 55,2 ha (PTTL - ra hoa);
- Lạc: 1.471,5 ha (Ra hoa - đâm tia);
- Khoai lang: 275,0 ha (PTTL - củ)
- Rau các loại: 2.599,1 ha (các giai đoạn);
- Cây trồng khác: 1.824,2 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời âm u, mưa phùn, có mưa rào nhẹ, ít nắng. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại ở mức độ nhẹ - trung bình.

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA**

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Lập Thạch); Sâu đục thân củ mè 0,1 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Tam Đảo, Sông Lô); Rầy nâu 1,9 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 15 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,6 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,3 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Bình Xuyên, Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,7 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Sông Lô).

## 1. Trên lúa

### - Trên lúa Xuân sớm

+ Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 3,4,5) gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,1 - 0,2%, cao 1 - 2% (Bình Xuyên, Lập Thạch).

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 2,4) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 1 - 2% (Sông Lô).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 1,2) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,4 - 0,6 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 4 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 15 - 20 con/m<sup>2</sup>, cao 150 - 200 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô, Lập Thạch).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,4 - 0,6%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ 30 - 40% (Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại với tỷ lệ cây hại phổ biến 2 - 5%, nơi cao 30 - 40% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ danh hại phổ biến 0,6 - 1,8%, cao 5 - 10% (Bình Xuyên, Sông Lô, Lập Thạch).

### - Trên lúa Xuân muộn

+ Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 3, 4) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,1 - 0,8%, cao 1 - 2% (Sông Lô, Phúc Yên).

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 2, 4) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,6 - 0,8%, cao 2 - 5% (Tam Dương, Tam Đảo, Yên Lạc).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 1,3) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,3 - 1,5 con/m<sup>2</sup>, cao 3 - 5 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô, Tam Dương, Tam Đảo).

+ Rầy (tuổi 3, 5) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 10 - 15 con/m<sup>2</sup>, cao 70 - 100 con/m<sup>2</sup> (Tam Đảo).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,5 - 1,5%, cục bộ 10 - 12% (Yên Lạc, Phúc Yên, Tam Đảo).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng với tỷ lệ cây hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 30 - 50% (Sông Lô, Phúc Yên, Vĩnh Tường, Bình Xuyên).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 10 - 15% (Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Tam Dương, Phúc Yên).

## 2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,2 - 0,5 con/m<sup>2</sup>, cao 1 - 2 con/m<sup>2</sup> (Vĩnh Tường, Sông Lô,...).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 2%, nơi cao 5 - 10% (Tam Đảo).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại nhẹ

(Phúc Yên, Vĩnh Yên).

### **3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.
- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

### **4. Cây lâm nghiệp (thông, keo):** Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

## **III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 14/4 - 20/4/2021**

### **1. Cây lúa**

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột, bệnh khô vằn gây hại rải rác. Rầy (các huyện: Sông Lô, Lập Thạch) gây hại nhẹ tại các ổ cũ; bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ (Bình Xuyên) cần theo dõi để phòng chống kịp thời đạt hiệu quả.

- Trên lúa Xuân muộn: Bệnh đạo ôn lá (các huyện: Sông Lô, Lập Thạch, Vĩnh Tường, Tam Đảo, Phúc Yên, Yên Lạc) tiếp tục phát triển gây hại nhẹ - nặng cục bộ một số diện tích lúa nếu không phòng chống kịp thời; bệnh khô vằn gây hại diện rộng. Ngoài ra sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột gây hại rải rác.

### **2. Cây ngô**

Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ, chú ý theo dõi để chỉ đạo phòng chống kịp thời.

### **3. Cây rau**

- Trên rau thập tự: Các đối tượng sâu bệnh gây hại nhẹ.
- Trên cây su su: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

### **4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.
- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

## **IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ**

### **1. Đề nghị**

- Trong giai đoạn lúa đứng cái - làm đòng - trở cần duy trì mực nước 2 - 3 cm để đảm bảo sinh trưởng của cây lúa.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, theo dõi phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để chủ động có biện pháp phòng chống kịp thời (chú ý rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,... hại lúa), đặc biệt là bệnh đạo ôn lá không để bệnh lây lan diện rộng.

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) để chỉ đạo cơ sở phòng trừ kịp thời, an toàn, hiệu quả trong cao điểm sâu bệnh hại. Hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp IPM, SRI (trên cây lúa); sản xuất rau theo tiêu chuẩn Viet GAP, GlobalGAP (trên cây rau).

## 2. Biện pháp quản lý

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và chỉ đạo phòng chống kịp thời các đối tượng sinh vật gây hại trên đồng ruộng

- Trên lúa Xuân:

+ Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại với tỷ lệ lá hại từ 5 - 10% cần phun ngay bằng các loại thuốc đặc hiệu như: Bump 600WP, Fuji-one 40EC, Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325 SC, ... Những ổ bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày và ngừng bón các loại phân đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

+ Đối với diện tích lúa rầy gây hại, khi mật độ trên 750 con/m<sup>2</sup> : Dùng thuốc Chim Ưng 20WG, Virtako 40WG, Sutin 5EC...

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu dùng thuốc: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim<sup>®</sup> 5WG, Lufen extra 100EC,...

- Trên cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang dùng thuốc Kajio 5EC, Dylan 2 EC, Tập kỳ 1.8EC....; bọ nhảy dùng thuốc Bamectin 5.55EC, Shertin 5.0EC, Abatimec 1.8EC... Bệnh sương mai dùng thuốc Daconil 500SC, Ridomil Gold 68WG,....

Lưu ý: Khi phun cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.

- Tiếp tục diệt chuột tập trung ở những diện tích bị chuột gây hại. Sử dụng các biện pháp thủ công, dùng bẫy lồng, bẫy sập, bả chuột ít độc hại để diệt chuột bảo đảm an toàn cho sản xuất và đời sống

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 07/4 - 13/4/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

### **Nơi nhận:**

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Anh Tuấn**

**BẢNG THỐNG KÊ**  
**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG**  
*(Từ ngày 07/04/2021 đến ngày 13/04/2021)*

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Lúa xuân sớm	Đòng - trở	Chuột	%DH	3,3	7		70	49	21			+42	85	Rải rác
		Bệnh đạo ôn lá	%LH	10	15		1	0,5	0,5			-4,7	1	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	11	26,3		122	85	37			-8	102	Rộng
Lúa xuân muộn	Đứng cái - đòng - trở	SĐT cú mèo	%DH	5			3	3				+1	3	Rải rác
		Chuột	%DH	4,4	8,7	15	155	108	42	5		-252	102	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%DH	11,9	25	50	651	519	129	3		-441	670	Rộng
		Bệnh đạo ôn lá	%LH	7,6	12		11,7	10,2	1,5			+6,047	12	Rải rác
Ngô	PTTL - phun râu	Sâu keo mùa thu	Con/m <sup>2</sup>	2			7	7				-	7	Rải rác
Su su	PTTL - thu hoạch	Bệnh sương mai	%CH	6,7			2	2				-		Hẹp
<b>Tổng DT nhiễm SB</b>							<b>1022,7</b>	<b>783,7</b>	<b>231</b>	<b>8</b>			<b>980,5</b>	

**Ghi chú:**GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

**Cán bộ tổng hợp:** `KS.Trần Thị Đoàn Trang.